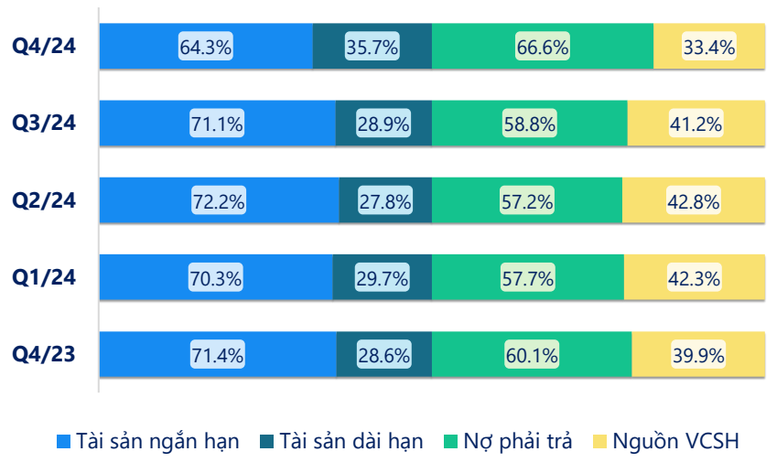
FireAnt

CTCP Tập đoàn Sunshine (HNX: KSF)

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	40,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	41,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	39,800
SL cổ phiếu LH	300,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20,675
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	12,150
P/E	17.9
EPS	2,268

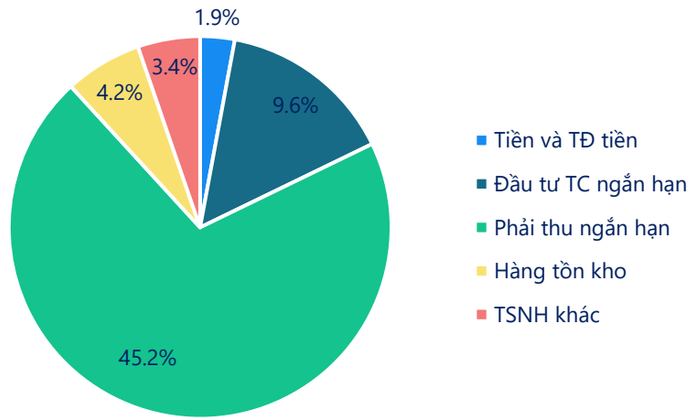
	YTD	1T	3T	6T
KSF	0.0%	0.0%	-0.2%	
VNINDEX	2.1%	-0.2%	-1.3%	

Cơ cấu Tổng tài sản



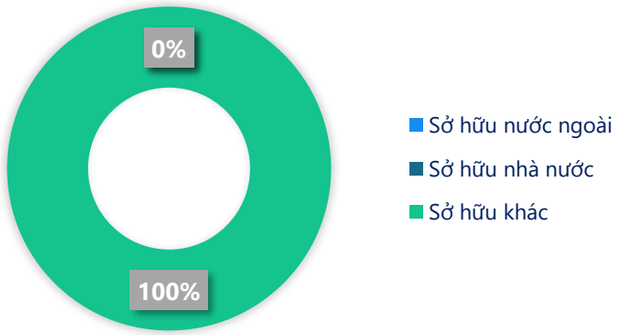
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



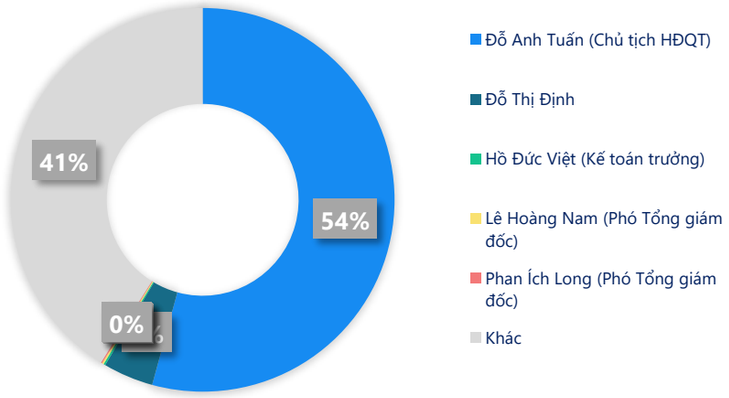
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



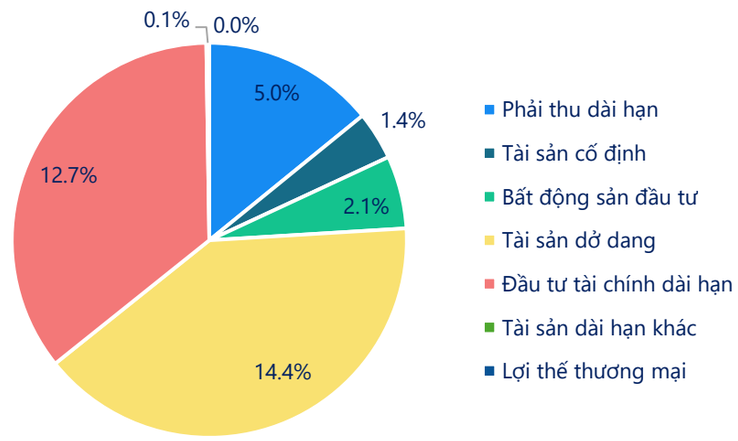
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

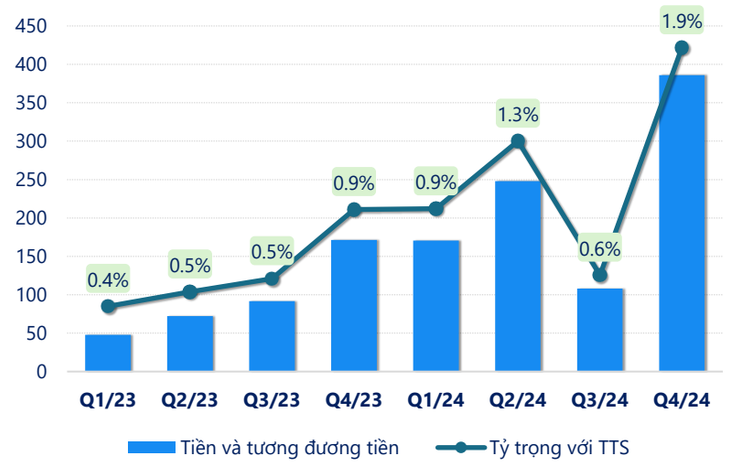


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

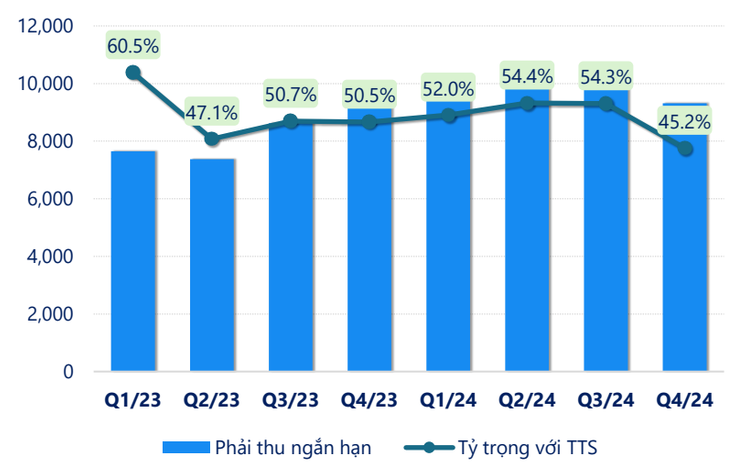
CTCP Tập đoàn Sunshine (HNX: KSF)

Tiền và tương đương tiền



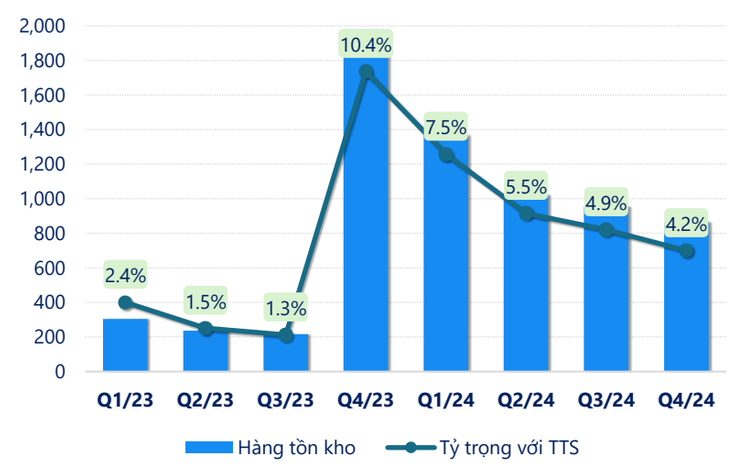
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



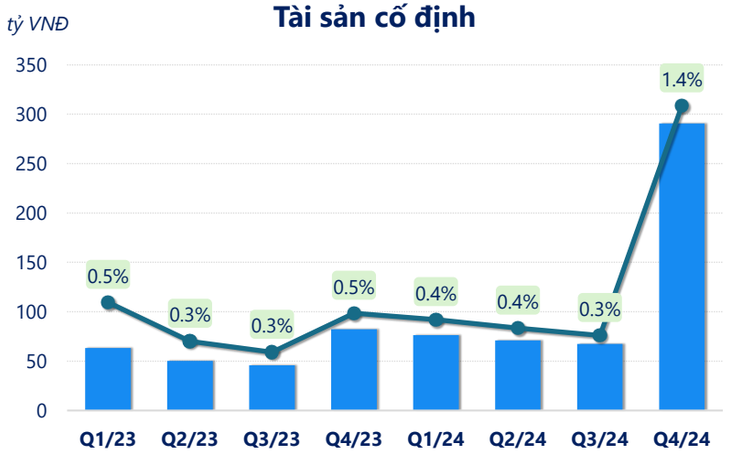
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



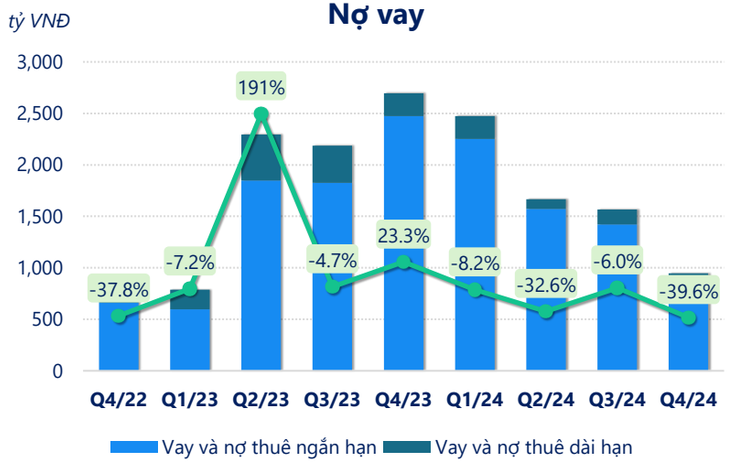
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



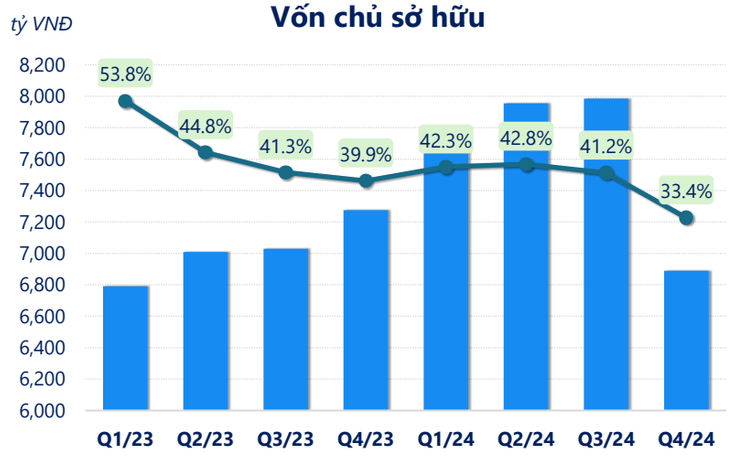
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

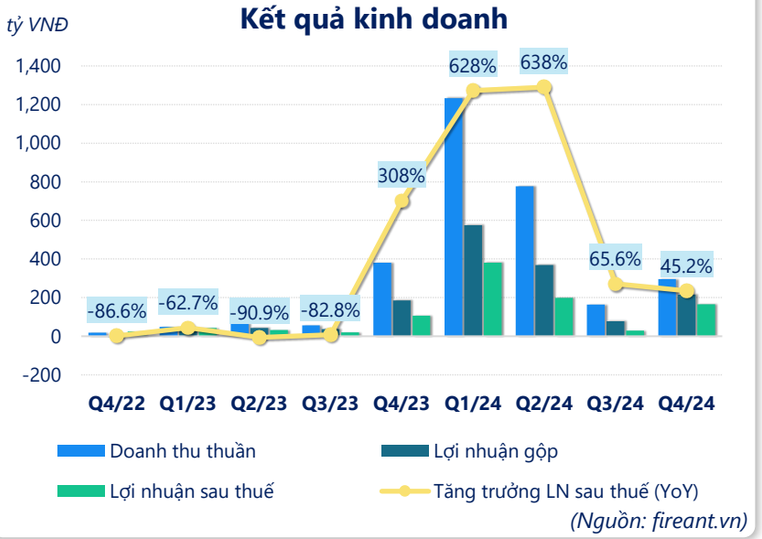


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

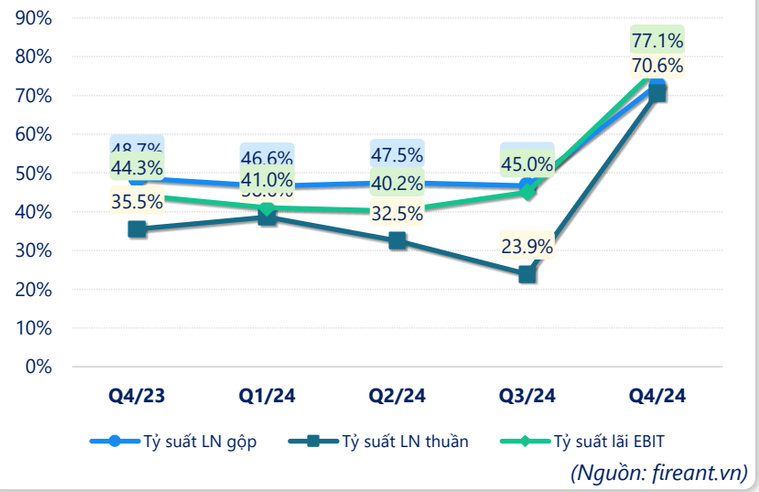
CTCP Tập đoàn Sunshine (HNX: KSF)

Kết quả kinh doanh



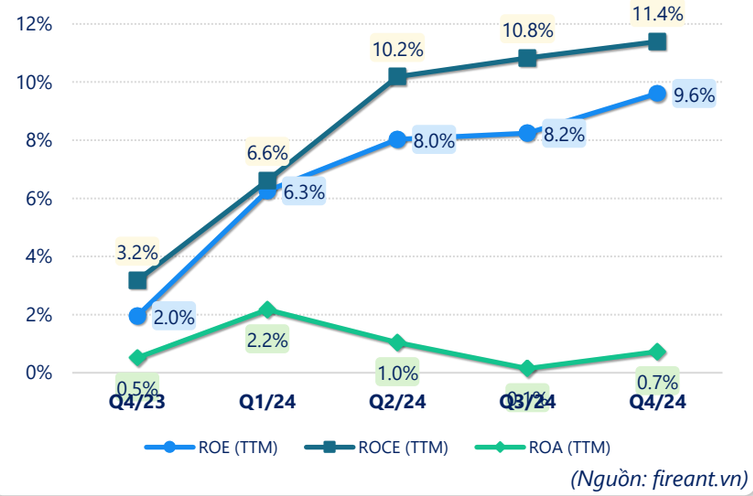
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



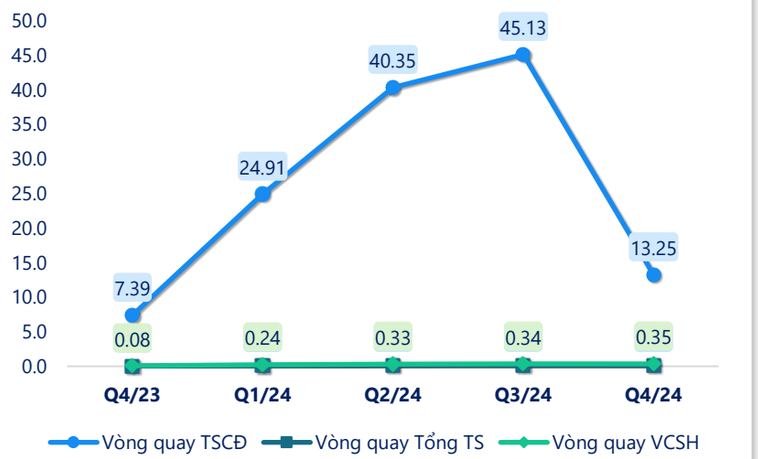
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



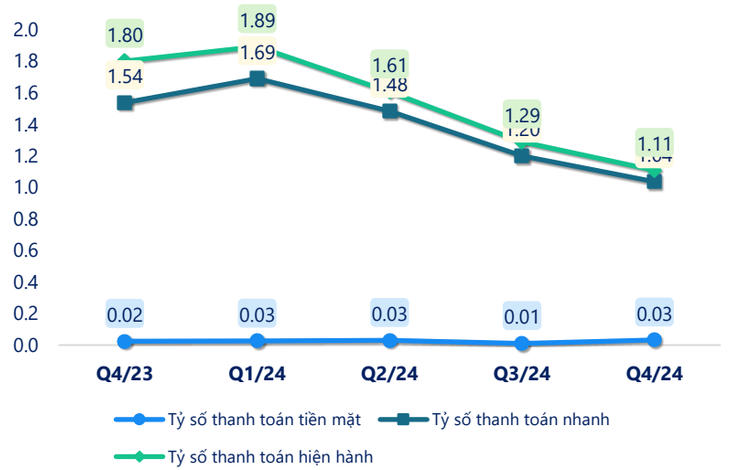
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



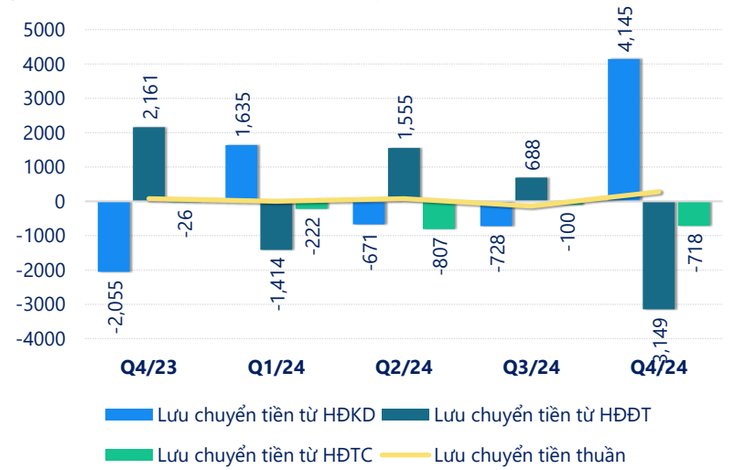
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Tập đoàn Sunshine (HNX: KSF)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**20,597**	**18,246**	**12.9%**
Tài sản ngắn hạn	13,238	13,033	1.6%
Tiền và tương đương tiền	386	171	126%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,972	1,412	39.6%
Phải thu ngắn hạn	9,318	9,217	1.1%
Hàng tồn kho	865	1,903	-54.6%
Tài sản ngắn hạn khác	698	330	111%
Tài sản dài hạn	**7,359**	**5,213**	**41.2%**
Phải thu dài hạn	1,040	1,018	2.2%
Tài sản cố định	291	82.2	254%
Bất động sản đầu tư	439	313	40.0%
Tài sản dở dang	2,960	2,768	6.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,613	1,014	158%
Tài sản dài hạn khác	**17.9**	**17.9**	**-0.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	13,708	10,967	25.0%
Nợ ngắn hạn	**11,944**	**7,235**	**65.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	737	2,473	-70.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	449	266	68.7%
Nợ dài hạn	1,763	3,731	-52.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	209	223	-6.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**6,889**	**7,279**	**-5.4%**
Vốn chủ sở hữu	**6,889**	**7,279**	**-5.4%**
Vốn điều lệ	3,000	3,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	380	1,232	777	165	296
Giá vốn hàng bán	195	658	408	87.8	80.5
Lợi nhuận gộp	185	574	369	77.0	215
Doanh thu HĐTC	178	170	178	165	187
Chi phí TC	145	162	188	151	133
Chi phí lãi vay	33.4	30.8	58.0	34.7	19.1
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0.02
Chi phí bán hàng	30.9	72.4	60.4	5.58	19.4
Chi phí QLDN	52.6	33.9	45.9	46.2	41.0
LN thuần từ HĐKD	135	476	253	39.4	209
Lợi nhuận khác	0.01	-0.87	1.61	0.08	0.00
LN trước thuế	135	475	254	39.5	209
Lợi nhuận sau thuế	106	381	199	29.5	166
LNST của CĐ cty mẹ	79.8	334	178	26.6	142

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2,055	1,635	-671	-728	4,145
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2,161	-1,414	1,555	688	-3,149
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-26.4	-222	-807	-100	-718
Tiền đầu kỳ	91.5	171	171	248	108
Lưu chuyển tiền thuần	**79.7**	**-0.52**	**77.3**	**-140**	**278**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	171	171	248	108	386

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic